BTVN: THÌ QUÁ KHỨ ĐƠN VÀ QUÁ KHỨ TIẾP DIỄN

CHUYÊN ĐỀ: NGỮ PHÁP

MÔN: TIẾNG ANH 11

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

MỤC TIÊU

- ✓ *Ôn đúng, đủ các kiến thức theo hệ thống đề bám sát đề thi thật TN THPT & ĐGNL theo chương trình lớp 11*

e20986 ***Read the following letter and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct word or phrase for each of the blank***

Hi, Anna!

How are you doing? Last weekend, my family and I (1)_____to the countryside to visit my grandparents. We (2) _____ there for three days. It (3) _____ a peaceful and relaxing time. When we (4) _____, my grandmother (5) _ dinner in the kitchen, and my grandfather (6) _____ a nap in the living room. I (7) ____ them, and then I (8) _____ outside to play with the dog. On Saturday morning, we (9) _____ to the nearby river for a picnic. While my parents (10) _____ lunch, my sister and I (11) _____ stones into the water. Suddenly, it (12) _____ to rain, so we quickly (13) _____ everything and went back to the house.

It was such a fun trip! What did you do last weekend?

Love,

Tom

(1): A. go	**B.** went	**C.** goes	**D.** going
(2): A. stayed	**B.** stay	**C.** were staying	**D.** staying
(3): A. was	**B.** is	**C.** are	**D.** be
(4): A. arriving	**B.** arrive	**C.** were arriving	**D.** arrived
(5): A. cooked	**B.** was cooking	**C.** cooks	**D.** cook
(6): A. had	**B.** was having	**C.** has	**D.** having
(7): A. greeted	**B.** was greeting	**C.** greet	**D.** greets
(8): A. go	**B.** went	**C.** was going	**D.** goes
(9): A. walked	**B.** walk	**C.** were walking	**D.** walking
(10): A. prepared	**B.** prepare	**C.** were preparing	**D.** preparing
(11): A. threw	**B.** throw	**C.** were throwing	**D.** throwing
(12): A. start	**B.** started	**C.** was starting	**D.** starts
(13): A. packed	**B.** were packing	**C.** packing	**D.** pack

e20987 ***Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the best arrangement of utterances or sentences to make a meaningful exchange or text in each of the following questions from 14 to 18.***

Câu 14:

A. That sounds great. Did you stay overnight?

b. We went to my uncle's farm last weekend.

c. Yes, we stayed in tents and had a bonfire.

d. Really? What did you do there?

A. b-d-a-c **B.** b-a-d-c **C.** d-b-a-c **D.** a-b-d-c

Câu 15:

A. Oh no! What happened next?

b. I was walking in the forest when I saw a big snake!

c. That's scary! Were you alone?

d. Yes, but luckily the snake went away.

A. b-a-c-d **B.** b-c-a-d` **C.** a-b-c-d **D.** c-a-b-d

Câu 16:

A. I was cooking dinner when the lights went out.

b. Did you finish cooking after that?

c. Oh no! What did you do?

d. I used a flashlight and continued cooking.

A. a-c-b-d **B.** a-b-c-d **C.** c-a-b-d **D.** a-c-d-b

Câu 17:

A. It was amazing! We saw waterfalls and wild animals.

b. How was your trip to the national park?

c. Sounds like a real adventure!

d. We also hiked for hours and took lots of pictures.

A. b-a-d-c **B.** a-b-d-c **C.** b-a-c-d **D.** d-a-b-c

Câu 18:

A. What were you doing when the storm hit?

b. I was driving home from work.

c. Was it scary?

d. Yes, it was! The wind was so strong, and I could hardly see.

A. a-b-c-d **B.** b-a-c-d **C.** a-c-b-d **D.** c-a-b-d

e20988 ***Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.***

Câu 19: Yesterday evening, I _____ TV when my mom _____ home.

A. watched / was coming **B.** was watching / came

C. watched / came **D.** was watching / was coming

Câu 20. They _____ dinner when we _____ at the restaurant.

A. had / arrived **B.** were having / arrived

C. have / arrive **D.** had / were arriving

e20989 ***Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to show the underlined part that needs correction in each of the following questions***

Câu 21: I <u>was</u> <u>listen</u> to music <u>when</u> you <u>called</u> me.

A. was **B.** listen

C. when **D.** called

Câu 22: She go to the library every Saturday to read books.

A. go **B.** to

C.every **D.** read

Câu 23: They was playing football when it started to rain heavily.

A. was **B.** playing

C. started **D.** heavily

-----THE END-----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT
THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

1. B	**2. A**	**3. A**	**4. D**	**5. B**	**6. B**	**7. A**	**8. B**	**9. A**	**10. C**
11. C	**12. B**	**13. A**	**14. A**	**15. A**	**16. D**	**17. A**	**18. A**	**19. B**	**20. B**
21. B	**22. A**	**23. A**							

Câu 1 (VD):
Phương pháp:
Kiến thức thì quá khứ đơn.
Cách giải:
Dấu hiệu "last weekend" cho thấy hành động xảy ra trong quá khứ. Động từ "go" cần được chia ở thì quá khứ là "went".
Thông tin: Last weekend, my family and I went to the countryside to visit my grandparents.
Tạm dịch: Cuối tuần trước, gia đình tôi và tôi đã về quê để thăm ông bà tôi.
Chọn B.
Câu 2 (VD):
Phương pháp:
Kiến thức thì quá khứ đơn.
Cách giải:
Hành động "ở lại" diễn ra và kết thúc trong quá khứ, không có dấu hiệu tiếp diễn nên dùng thì quá khứ đơn. "Stay" chia ở quá khứ là "stayed".
Thông tin: We stayed there for three days.
Tạm dịch: Chúng tôi đã ở đó ba ngày.
Chọn A.
Câu 3 (VD):
Phương pháp:
Kiến thức thì quá khứ đơn.
Cách giải:
"It" là chủ ngữ số ít, đi với "was" trong thì quá khứ đơn. "Was" là dạng quá khứ của "to be" dành cho ngôi thứ ba số ít.
Thông tin: It was a peaceful and relaxing time.
Tạm dịch: Đó là một khoảng thời gian yên bình và thư giãn.
Chọn A.
Câu 4 (VD):
Phương pháp:
Kiến thức thì quá khứ đơn.
Cách giải:
Hành động "đến nơi" đã xảy ra xong trong quá khứ, không có dấu hiệu tiếp diễn, nên dùng thì quá khứ đơn. "arrived" là quá khứ của "arrive".
Thông tin: When we arrived, my grandmother was cooking dinner in the kitchen

Tạm dịch: Khi chúng tôi đến, bà tôi đang nấu bữa tối trong bếp

Chọn D.

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Kiến thức thì quá khứ tiếp diễn.

Cách giải:

Hành động "nấu ăn" đang diễn ra tại thời điểm quá khứ ("khi chúng tôi đến") nên dùng thì quá khứ tiếp diễn: "was cooking".

Thông tin: My grandmother was cooking dinner in the kitchen

Tạm dịch: Bà tôi đang nấu bữa tối trong bếp

Chọn B.

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Kiến thức thì quá khứ tiếp diễn.

Cách giải:

Hành động "ngủ trưa" đang diễn ra trong quá khứ tại thời điểm khác xảy ra ("khi chúng tôi đến") nên dùng thì quá khứ tiếp diễn: "was having".

Thông tin: My grandfather was having a nap in the living room.

Tạm dịch: Ông tôi đang chợp mắt trong phòng khách.

Chọn B.

Câu 7 (VD):

Phương pháp:

Kiến thức thì quá khứ đơn.

Cách giải:

Các hành động xảy ra liên tiếp trong quá khứ thì dùng thì quá khứ đơn. Hành động "chào ông bà" đã hoàn tất, nên dùng "greeted".

Thông tin: I greeted them, and then I went outside to play with the dog.

Tạm dịch: Tôi chào họ, và sau đó tôi ra ngoài chơi với chú chó.

Chọn A.

Câu 8 (VD):

Phương pháp:

Kiến thức thì quá khứ đơn.

Cách giải:

Hành động tiếp theo trong chuỗi sự việc xảy ra trong quá khứ nên dùng thì quá khứ đơn. "Go" chia quá khứ là "went".

Thông tin: I greeted them, and then I went outside to play with the dog.

Tạm dịch: Tôi chào ông bà, rồi đi ra ngoài chơi với con chó.

Chọn B.

Câu 9 (VD):

Phương pháp:

Kiến thức thì quá khứ đơn.

Cách giải:

Hành động "đi bộ đến dòng sông" đã hoàn tất trong quá khứ nên dùng thì quá khứ đơn: "walked".
Thông tin: On Saturday morning, we walked to the nearby river for a picnic.
Tạm dịch: Sáng thứ Bảy, chúng tôi đi bộ đến con sông gần đó để dã ngoại.
Chọn A.

Câu 10 (VD):
Phương pháp:
Kiến thức thì quá khứ tiếp diễn.
Cách giải:
Hành động "chuẩn bị bữa trưa" đang diễn ra tại một thời điểm trong quá khứ "while" nên dùng thì quá khứ tiếp diễn: "were preparing".
Thông tin: While my parents were preparing lunch, my sister and I were throwing stones.
Tạm dịch: Trong khi bố mẹ tôi đang chuẩn bị bữa trưa, chị tôi và tôi đang ném đá.
Chọn C.

Câu 11 (VD):
Phương pháp:
Kiến thức thì quá khứ tiếp diễn.
Cách giải:
Hành động đang diễn ra đồng thời với hành động khác trong quá khứ nên dùng thì quá khứ tiếp diễn. Động từ "throw" chia thành "were throwing".
Thông tin: My sister and I were throwing stones into the water.
Tạm dịch: Chị tôi và tôi đang ném đá xuống nước.
Chọn C.

Câu 12 (VD):
Phương pháp:
Kiến thức thì quá khứ đơn.
Cách giải:
Hành động "bắt đầu mưa" là một sự kiện đột ngột xảy ra trong quá khứ nên dùng thì quá khứ đơn. "Start" chia quá khứ là "started".
Thông tin: Suddenly, it started to rain.
Tạm dịch: Đột nhiên trời bắt đầu mưa.
Chọn B.

Câu 13 (VD):
Phương pháp:
Kiến thức thì quá khứ đơn.
Cách giải:
Hành động "thu dọn đồ đạc" là một hành động hoàn tất sau khi trời mưa nên dùng thì quá khứ đơn. "Pack" chia quá khứ là "packed".
Thông tin: So we quickly packed everything and went back to the house.
Tạm dịch: Vì vậy chúng tôi nhanh chóng thu dọn mọi thứ và quay lại nhà.
Chọn A.

Câu 14 (TH):

Phương pháp:

Kiến thức về sắp xếp câu, chú ý tới mạch cuộc hội thoại tự nhiên.

Cách giải:

Mở đầu cuộc hội thoại, câu hỏi "What did you do there?" là một câu hỏi tổng quan và phải đứng ở vị trí sau câu b, giới thiệu về chuyến đi. Sau đó, câu trả lời sẽ là "That sounds great. Did you stay overnight?", nhằm hỏi thêm chi tiết về hoạt động trong chuyến đi. Câu tiếp theo "Yes, we stayed in tents and had a bonfire" trả lời câu hỏi trước, cuối cùng là kết thúc bằng một câu hỏi hoặc nhận xét, "Really?" với mối liên kết ngữ nghĩa phù hợp. Đáp án hợp lý là A.

Thông tin:

(b) We went to my uncle's farm last weekend.
(d) Really? What did you do there?
(a) That sounds great. Did you stay overnight?
(c) Yes, we stayed in tents and had a bonfire.

Tạm dịch:

(b) Chúng tôi đã đến trang trại của chú tôi cuối tuần trước.
(d) Thật sao? Các bạn đã làm gì ở đó vậy?
(a) Nghe có vẻ tuyệt vời đấy. Các bạn có ở lại qua đêm không?
(c) Có, chúng tôi đã ngủ trong lều và đốt lửa trại.

Chọn A.

Câu 15 (TH):

Phương pháp:

Kiến thức về sắp xếp câu, chú ý đến ngữ cảnh của câu trả lời cho câu hỏi.

Cách giải:

Cuộc hội thoại bắt đầu bằng câu chuyện kể về một sự kiện bất ngờ, câu b "I was walking in the forest when I saw a big snake!" sẽ là câu mở đầu. Tiếp theo, câu a "Oh no! What happened next?" là phản ứng tự nhiên để tiếp tục cuộc trò chuyện. Câu c "That's scary! Were you alone?" tiếp theo thể hiện sự đồng cảm và tạo sự quan tâm, và cuối cùng là câu d, giải thích về kết quả câu chuyện.

Thông tin:

(b) I was walking in the forest when I saw a big snake!
(a) Oh no! What happened next?
(c) That's scary! Were you alone?
(d) Yes, but luckily the snake went away.

Tạm dịch:

(b) Tôi đang đi bộ trong rừng thì thấy một con rắn lớn!
(a) Ôi không! Điều gì xảy ra tiếp theo?
(c) Thật là đáng sợ! Bạn có một mình không?
(d) Có, nhưng may mắn là con rắn đã bỏ đi.

Chọn A.

Câu 16 (TH):

Phương pháp:

Thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn. Dùng quá khứ tiếp diễn (was cooking) để diễn tả hành động đang xảy ra thì một hành động khác xen vào – quá khứ đơn (went out).

Câu chuyện nên được sắp xếp theo trình tự thời gian và logic hội thoại.

Cách giải:

a là câu mở đầu, đưa ra tình huống: Tôi đang nấu ăn thì mất điện.

c là phản ứng bất ngờ của người nghe: Ôi không! Bạn đã làm gì?

b là câu hỏi tiếp theo: Bạn có nấu tiếp không?

d là câu trả lời cuối cùng, giải thích hành động sau đó: Tôi dùng đèn pin và tiếp tục nấu.

Trình tự đúng: a – c – b – d

Thông tin:

a. I was cooking dinner when the lights went out.

c. Oh no! What did you do?

b. Did you finish cooking after that?

d. I used a flashlight and continued cooking.

Tạm dịch:

(a) Tôi đang nấu bữa tối thì đột nhiên đèn tắt.

(c) Ôi không! Bạn đã làm gì tiếp theo?

(b) Sau đó bạn có nấu xong không?

(d) Tôi dùng đèn pin và tiếp tục nấu.

Chọn D.

Câu 17 (TH):

Phương pháp:

Kiến thức về sắp xếp câu.

Cách giải:

b là câu mở đầu, hỏi về chuyến đi: Chuyến đi đến công viên quốc gia của bạn thế nào?

a là câu trả lời trực tiếp, chia sẻ trải nghiệm: Thật tuyệt! Chúng tôi đã thấy thác nước và động vật hoang dã.

d bổ sung thêm trải nghiệm: Chúng tôi cũng đã đi bộ hàng giờ và chụp nhiều ảnh.

c là phản ứng của người nghe: Nghe như một cuộc phiêu lưu thực thụ!

Trình tự phù hợp nhất: b – a – d – c

Thông tin:

(b) How was your trip to the national park?

(a) It was amazing! We saw waterfalls and wild animals.

(d) We also hiked for hours and took lots of pictures.

(c) Sounds like a real adventure!

Tạm dịch:

(b) Chuyến đi của bạn đến công viên quốc gia thế nào?

(a) Thật tuyệt vời! Chúng tôi đã thấy thác nước và các loài động vật hoang dã.

(d) Chúng tôi cũng đã leo núi hàng giờ và chụp rất nhiều ảnh.

(c) Nghe giống như một cuộc phiêu lưu thật sự đấy!

Chọn A.

Câu 18 (TH):

Phương pháp:

Thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn

Cách giải:

a là câu hỏi mở đầu: Bạn đang làm gì khi cơn bão đến?

b trả lời hành động đang xảy ra lúc đó: Tôi đang lái xe từ chỗ làm về nhà.

c là phản ứng tiếp theo: Có đáng sợ không?

d là câu trả lời chi tiết: Có chứ! Gió rất mạnh và tôi gần như không nhìn thấy gì.

Thông tin:

(a) What were you doing when the storm hit?

(b) I was driving home from work.

(c) Was it scary?

(d) Yes, it was! The wind was so strong, and I could hardly see.

Tạm dịch:

(a). Bạn đang làm gì khi cơn bão ập đến?

(b). Tôi đang lái xe từ chỗ làm về nhà.

(c). Có đáng sợ không?

(d). Có chứ! Gió rất mạnh và tôi gần như không nhìn thấy gì.

Chọn A.

Câu 19 (TH):

Phương pháp:

Kiến thức thì quá khứ tiếp diễn và quá khứ đơn

Cách giải:

Dùng quá khứ tiếp diễn cho hành động đang diễn ra tại một thời điểm trong quá khứ (was watching). Dùng quá khứ đơn cho hành động xen vào (came). Cấu trúc phổ biến: When + quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn (hoặc ngược lại). Dấu hiệu thời gian: Yesterday evening → chỉ quá khứ. Hành động "xem TV" đang diễn ra thì hành động "mẹ về đến nhà" xen vào → "was watching" (đang xem TV) + "came" (mẹ về đến).

Thông tin: Yesterday evening, I was watching TV when my mom came home.

Tạm dịch: Tối hôm qua, tôi đang xem TV thì mẹ tôi về nhà.

Chọn B.

Câu 20 (NB):

Phương pháp:

Kiến thức thì quá khứ tiếp diễn và quá khứ đơn.

Cách giải:

Dùng quá khứ đơn cho hành động xen vào hành động đang diễn r**A.** Cấu trúc chuẩn: Hành động đang diễn ra (QK tiếp diễn) + when + hành động xen vào (QK đơn). Hành động "họ đang ăn tối" xảy ra trước và đang diễn ra khi "chúng tôi đến nhà hàng" → "were having" (đang ăn tối) + "arrived" (chúng tôi đến)

Thông tin: They were having dinner when we arrived at the restaurant.

Tạm dịch: Họ đang ăn tối thì chúng tôi đến nhà hàng.

Chọn B.

Câu 21 (TH):

Phương pháp:

Kiến thức thì quá khứ tiếp diễn

Cách giải:

- Thì quá khứ tiếp diễn có cấu trúc: was/were + V-ing
- Động từ sau was phải ở dạng V-ing → "listen" sai → phải là listening
- "was listen" → sai cấu trúc thì

→ Đúng phải là: I was listening to music when you called me.

Thông tin câu hoàn chỉnh: I was listening to music when you called me

Tạm dịch: Tôi đang nghe nhạc thì bạn gọi cho tôi.

Chọn B.

Câu 22 (TH):

Phương pháp:

Kiến thức thì hiện tại đơn

Cách giải:

Trong thì hiện tại đơn, nếu chủ ngữ là She, động từ phải thêm -s → "go" sai → phải là goes.

Chủ ngữ là She → động từ "go" phải chia là goes.

→ Đúng: She goes to the library every Saturday to read books.

Thông tin câu hoàn chỉnh: She goes to the library every Saturday to read books.

Tạm dịch: Cô ấy đi thư viện mỗi thứ Bảy để đọc sách.

Chọn A.

Câu 23 (TH):

Phương pháp:

Kiến thức thì quá khứ tiếp diễn

Cách giải:

Động từ was/were phải phù hợp với chủ ngữ; Chủ ngữ "They" (số nhiều) → phải dùng **were**, không phải "was". They là số nhiều → phải là were playing, không phải was playing

→ Câu đúng: They were playing football when it started to rain heavily.

Thông tin câu hoàn chỉnh: They was playing football when it started to rain heavily.

Tạm dịch: Họ đang chơi bóng thì trời bắt đầu mưa to.

Chọn A.